

TIỂU THUYẾT GIÁC MỘNG CON CỦA TẢN ĐÀ NHÌN TỪ GÓC ĐỘ THỂ LOẠI

NGUYỄN HƯƠNG NGỌC*

Tản Đà là một trong những đại diện tiêu biểu của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX lúc giao điểm nối giữa văn học Việt Nam trung đại và văn học Việt Nam hiện đại. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, ông đã để lại nhiều tác phẩm độc đáo, thể hiện được cá tính của bản thân. Ông cố gắng thử sức mình trong các thể loại mới mà tiểu thuyết (theo lối viết phương Tây) là một trong số đó. Giác mộng con là tiểu thuyết đã cho thấy sự cố gắng cách tân thể loại của Tản Đà. Bài nghiên cứu này sẽ tìm hiểu những ưu điểm và hạn chế của Tản Đà trong việc cách tân thông qua phân tích các phương diện thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật và nhân vật.

Từ khóa: Tản Đà, Giác mộng con, văn học Việt Nam thế kỷ XX

Nhận bài ngày: 10/4/2019; *đưa vào biên tập:* 13/4/2019; *phản biện:* 19/4/2019; *duyet đăng:* 24/5/2019

1. DẪN NHẬP

Những năm đầu thế kỷ XX, văn học Việt Nam trải qua một sự vận động rất quan trọng. Đây là mốc có một ý nghĩa đặc biệt bởi nó là giao thời của cả nền văn học. Thời đoạn này chính là lúc văn học Việt Nam đang dần chuyển mình, dần thay đổi để có thể chuyển từ lối viết cũ sang lối viết mới. Định nghĩa về nhà văn bắt đầu được

hình thành và văn chương trở thành một thứ hàng hóa nhờ sự xuất hiện của báo chí, xuất bản theo bước chân xâm lược của người Pháp. Sự hình thành của các đô thị làm xuất hiện những tầng lớp mới trong xã hội dẫn đến sự thay đổi trong tầm đón đợi của văn học. Văn học đã thay đổi một cách tổng thể từ nội dung, hình thức nghệ thuật đến quan điểm, tư duy nghệ thuật. Trong những năm đầu ấy, văn học Việt Nam đã chứng kiến rất nhiều những cây bút xuất sắc, có tài năng đã có công trong việc đổi mới,

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

cách tân văn học. Một trong số đó, Tản Đà không thể không được nhắc đến.

Ở Tản Đà, một trong những đại diện tiêu biểu của thời điểm lịch sử đặc biệt đó, người ta vừa tìm được một gương mặt của những giá trị truyền thống nho gia vừa thấy được những nét cách tân mang hơi hướng phương Tây hiện đại. Tản Đà chính là người đứng ở giao điểm văn học Việt Nam trung đại và văn học Việt Nam hiện đại. Thời điểm chuyển giao giữa hai thời đại nên ông mang trong mình cả những đặc điểm, thậm chí những hệ lụy của nền cựu học đồng thời dung nạp cả những giá trị tri thức, hệ tư tưởng của nền tân học. Sáng tác của ông mang đậm dấu ấn của một nhà nho ý thức được sự hạn chế của thể hệ mình, của những ý thức hệ đã tồn tại bám rễ quá lâu trở nên lạc hậu và muốn thay đổi, muốn hòa mình vào dòng chảy hiện đại. Tản Đà đã nghiêm túc thực hiện mộng ước cách tân văn học đó của mình. Tất nhiên sự thành bại của quá trình này sẽ được bàn cụ thể hơn ở phần sau của bài viết nhưng những cố gắng là có thật và sự ghi nhận công sức của ông là xứng đáng. Chính Hoài Thanh, từ rất sớm đã ý thức được vai trò đó của Tản Đà trong văn học nên ngay từ mở đầu *Thi nhân Việt Nam*, bài viết về Tản Đà đã được trình trọng đặt ngay đầu tiên bởi: “với chúng tôi Tiên sinh vẫn là một bậc đàn anh; chúng tôi không dám xem Tiên sinh như một người bạn. Tiên sinh còn giữ được của thời trước cái cốt cách vững vàng,

cái phong thái ung dung. Đời Tiên sinh tuy bơ vơ, hồn Tiên sinh còn có nơi nương tựa. Tiên sinh đã đi qua giữa cái hỗn độn của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX với tấm lòng bình thản của một người thời trước” (Hoài Thanh, 1999: 256).

Sáng tác văn học của Tản Đà thể hiện rõ ràng cá tính, phẩm chất và tư duy nghệ thuật có sự hòa trộn giữa văn học trung đại và văn học hiện đại. Ông cố gắng thử sức mình trong các thể loại mới mà tiểu thuyết (theo lối viết phương Tây) là một trong số đó. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ nghiên cứu, tìm hiểu tiểu thuyết *Giác mộng con* dưới góc độ thể loại để thấy sự cố gắng cách tân thể loại của ông và đánh giá cả những hạn chế trong quá trình đó.

Giác mộng con của Tản Đà gồm có hai phần I và II nhưng trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu tiểu thuyết *Giác mộng con I*. Tác phẩm này được in lần đầu năm 1916. Sau này, Tản Đà đã tự tái bản vào năm 1926. Tiểu thuyết là hành trình chu du khắp nơi của nhân vật tự xưng Nguyễn Khắc Hiếu. Trong cuộc dịch chuyển đó, nhân vật đã gặp được một số nhân vật có sự đồng điệu về quan điểm sống và viết. Tác phẩm có vai trò quan trọng trong việc thể hiện quan điểm sáng tác cũng như quan niệm về xã hội, nhân sinh của Tản Đà và quan trọng hơn là sự cách tân nghệ thuật của nhà văn trong văn xuôi.

2. GIÁC MỘNG CON MANG DẤU ẤN CỦA MỘT TIỂU THUYẾT TRÌNH THÁM

VÀ DU KÝ

Văn học trinh thám mặc dù đã tồn tại trong không gian văn học thế giới từ rất lâu với nhiều tên tuổi lớn như Conan Doyle hay Agatha Christie nhưng chưa được định danh rõ ràng như một thể loại lớn bên cạnh những nhóm thể loại như tiểu thuyết lịch sử, tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết truyền kỳ,... Trong lý luận văn học hiện đại, người ta vẫn coi Edgar Allan Poe là người mở đầu cho dòng văn học này. Quan niệm văn học trinh thám luôn thay đổi theo thời gian nhưng thống nhất ở điểm tác phẩm phải luôn đặt ra “câu đố” và toàn bộ tác phẩm là quá trình đi giải đáp câu đố về một vụ án đã được đặt ra. S.S. Van Dine trong *Twenty rules for writing detective stories* đã chỉ ra hai mươi quy tắc vàng khi viết truyện trinh thám trong đó phải luôn đảm bảo sự xuất hiện của các yếu tố như vụ án, kẻ gây án, kẻ tình nghi và thám tử điều tra; quá trình phá án phải dựa trên các suy luận logic và vấn đề tình cảm lãng mạn không nên được đề xuất trong các tác phẩm trinh thám.

Du ký là một khái niệm đã tồn tại từ trong văn học trung đại để chỉ “một thể loại thuộc loại hình ký mà cơ sở là sự ghi chép của bản thân người đi du lịch, ngoại cảnh về những điều mắt thấy tai nghe của chính mình tại những xứ sở xa lạ hay những nơi ít người có dịp đi đến. Hình thức của du ký rất đa dạng, có thể là ghi chép, ký sự, nhật ký, thư tín, hồi tưởng, miễn là mang lại những thông tin, tri

thức và cảm xúc mới lạ về phong cảnh, phong tục, dân tình của xứ sở ít người biết đến...”. Thể loại du ký có vai trò quan trọng đối với văn học thế kỷ XVIII- XIX trong việc mở rộng tầm nhìn và tưởng tượng của nhà văn”. Biên độ trải rộng của không gian di chuyển cũng như thời gian dịch chuyển và sự xuất hiện của cái tôi trải nghiệm là những đặc điểm vô cùng quan trọng để cấu thành nên một tác phẩm du ký.

Bài viết tập trung phân tích làm rõ các yếu tố không gian, thời gian và nhân vật của tiểu thuyết *Giấc mộng con* / từ đó đưa ra nhận định về thể loại của tác phẩm này.

2.1. Thời gian và không gian nghệ thuật trong tiểu thuyết *Giấc mộng con*

Giấc mộng con của Tản Đà thực chất là một hành trình phiêu lưu khắp thế giới của nhân vật tự xưng Nguyễn Khắc Hiếu. Nói cách khác, tiểu thuyết này, ngay trong cấu trúc đã tiềm ẩn tính chất của một tiểu thuyết phiêu lưu phương Tây mang màu sắc trinh thám. Nhân vật chính, anh chàng Nguyễn Khắc Hiếu đã đặt chân lên rất nhiều vùng đất trong suốt hành trình này. Anh đã đi đến những miền đất có thật ở Châu Á qua Châu Âu đến Châu Phi, Châu Mỹ. Anh đến cả địa điểm không có thật, địa điểm được tác giả hư cấu như Cõi đời mới.

Về vấn đề thời gian, ngoại trừ mốc xuất phát được ghi rõ là “Đêm hôm 28 tháng Giêng năm Bính Thìn là năm Duy Tân thứ 10, lấy lịch Tây 1916” (Tản

Đà, 2002: 69) và mốc từ Mỹ đi Canada là “Ngày tháng Janvier năm 1922” (Tản Đà, 2002: 98) thì các mốc thời gian trong tiểu thuyết này không được chỉ rõ cụ thể. Nhiều mốc thời gian quan trọng khác, tác giả đã thống kê tổng thời gian lưu trú của nhân vật ở từng địa điểm (Bảng 1, 2, 3) qua *Giác mộng con I* in trong *Tản Đà toàn tập* (tập 2) của Nhà xuất bản Văn học do Nguyễn Khắc Xương biên soạn in năm 2002. Thông qua khảo sát tác phẩm, chúng tôi tổng hợp các mốc thời gian diễn ra những sự kiện quan trọng hoặc thời gian lưu trú ở từng đất nước, từng địa điểm của nhân vật (Bảng 1). Đây là các mốc thời gian có đủ luận cứ trong tác phẩm để chứng minh.

Khoảng thời gian chu du cùng quan bác sĩ cũng là một mốc quan trọng nhưng không được tác giả đề cập cụ

thể. Tuy vậy qua nghiên cứu chương IX. Cố hương và chương X. Cố nhân thư, chúng tôi đoán định rằng thời điểm Nguyễn Khắc Hiếu nhận được bức thư của Chu Kiều Oanh là khoảng hơn một năm sau khi nhân vật về nhà. Như vậy, nhân vật đã chu du cùng quan bác sĩ trong khoảng hơn kém 2 năm. Dựa trên các luận cứ đó, chúng ta có thể nhận thấy rằng nhân vật đã dành nhiều thời gian nhất ở Saint Etienne, ở Washington và trong cuộc hành trình chu du khắp các châu lục với quan bác sĩ (hơn kém 2 năm).

Để làm rõ hơn nữa tần suất di chuyển cũng như mức độ quan trọng của từng địa điểm trong cuộc hành trình của Nguyễn Khắc Hiếu, chúng tôi đã liệt kê không gian di chuyển của nhân vật (Bảng 2).

Bảng 1. Bảng tổng hợp thời gian dịch chuyển của nhân vật Nguyễn Khắc Hiếu trong tiểu thuyết *Giác mộng con*

STT	Địa điểm/ sự kiện xê dịch	Thời gian	Trang luận cứ
1	Đi núi Sài Sơn, lên chợ Giời	28 tháng Giêng năm Bính Thìn (tức năm 1916)	69
2	Đi Sài Gòn rồi từ đó sang Pháp	Ít ngày sau sự kiện 1 (tức cũng trong năm 1916)	72
3	Sống và làm việc ở Saint Etienne	Trong vòng hơn 2 năm	77
4	Trốn ở New York vì bị nghi oan	Khoảng 4 tháng	88-89
5	Về Pháp sau khi bị minh oan	Không rõ thời gian	
6	Sang Washington sống và làm việc	Gần 2 năm	97
7	Chu du nhiều châu lục, vùng đất cùng quan bác sĩ	Đi tháng Janvier năm 1922 (tức 1/1922)	98
8	Về cố hương và nhận được thư của Chu Kiều Oanh	Thư viết ngày 11/9/1925	126
Tổng thời gian chu du		8 năm	124

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ “*Giác mộng con I*”, in trong Nguyễn Khắc Xương (biên soạn). 2002. *Tản Đà toàn tập* (tập 2). Nxb. Văn học.

Bảng 2. Bảng tổng hợp không gian dịch chuyển trong tiểu thuyết *Giấc mộng con I*

STT	Không gian xê dịch	Trang luận cứ
1	Núi Sài Sơn	Từ trang 69 đến giữa trang 72
2	Từ ga Hàng Cỏ đi Hải phòng rồi đi Sài Gòn và sang Pháp	Cuối trang 72
3	Từ Marseille đi tàu hoả đến Saint Etienne	Trang 73
4	Làm việc tại tiệm Drayon của ông Dravine	Từ trang 73 đến trang 83
5	Từ Paris đi Havre đến New York	Trang 83
6	Trốn tại một nhà hàng ở Mỹ	Trang 84
7	Đến Sầu Thành ở Mỹ	Từ trang 84 đến trang 87
8	Từ New York đi khai mỏ ở San Francisco	Trang 88
9	Đi với ông chủ mục súc người Bồ Đào Nha đến Nam Mỹ làm thuê	Từ trang 89 đến trang 91
10	Quay về Pháp	Trang 92
11	Từ Pháp đi Washington	Từ trang 93 đến trang 97
12	Đi Canada với quan bác sĩ	Trang 98
13	Đi qua Alaska, thám hiểm Bắc Băng Dương	Trang 99
14	Đến Cõi đời mới	Từ trang 99 đến trang 114
15	Từ Cõi đời mới đi Thượng Hải	Trang 115
16	Đi Sơn Đông	Trang 116
17	Đi Bắc Kinh rồi đến Tứ Xuyên	Trang 117
18	Đi Ấn Độ	Trang 118
19	Đi Châu Úc	Trang 120
20	Đi Châu Phi	Trang 120
21	Đi chơi thành Alger	Trang 122
22	Quay lại Saint Etienne	Trang 122
23	Về Sài Gòn rồi ra Hàng Cỏ	Trang 123
24	Quay về Sơn Tây	Từ trang 123 đến 125

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ “Giấc mộng con I”, in trong Nguyễn Khắc Xương (biên soạn). 2002. *Tản Đà toàn tập* (tập 2). Nxb. Văn học.

Kết hợp Bảng 1 với Bảng 2, chúng ta có thể thấy ba địa điểm là nước Pháp, Mỹ và Cõi đời mới không chỉ được tác giả nhắc đến rằng nhân vật đã lưu lại trong khoảng thời gian lâu nhất mà còn được tác giả sử dụng để tường thuật cũng nhiều nhất. Hành trình nhân vật đến các địa điểm khác được

viết ngắn hơn. Có những không gian chỉ được tác giả liệt kê chứ không được miêu tả cụ thể. Nói cách khác địa điểm nước Pháp (cụ thể là Saint Etienne), nước Mỹ (New York và Washington) và Cõi đời mới có ý nghĩa vô cùng quan trọng với nhân vật Nguyễn Khắc Hiếu. Nước Pháp là nơi

nhân vật chính gặp được người con gái mang tên Chu Kiều Oanh - hồng nhan tri kỷ của cuộc đời mình. Anh và Kiều Oanh có thể đàm đạo những quan điểm sống và quan niệm về văn chương suốt hàng giờ đồng hồ mà không biết chán. Ở Chu Kiều Oanh, Nguyễn Khắc Hiếu tìm thấy sự thấu hiểu mà chính người vợ của anh ở quê nhà không có được (nhân vật này sẽ được chúng tôi phân tích kỹ hơn ở phần sau 2.2. Nhân vật xuất hiện trong quá trình dịch chuyển). Còn nước Mỹ với Nguyễn Khắc Hiếu là nơi đã cứu mang anh khi anh bị tình nghi là kẻ trộm. Đến với nước Mỹ, nhân vật Nguyễn Khắc Hiếu không những tìm được sự an toàn mà còn có nơi để giải sầu (thông qua địa điểm Sầu Thành). Đồng thời đây cũng là nơi tin tưởng và trọng dụng anh bởi sau khi anh được giải oan quay lại Pháp thì ông chủ đã đề nghị anh sang Mỹ làm việc do người chủ bên đó đã thối bại bệnh. Nếu Pháp và Mỹ là những không gian thực về mặt địa lý thì Cõi đời mới lại là địa điểm được tạo nên nhờ năng lực hư cấu của nhà văn. Nguyễn Khắc Hiếu đến được Cõi đời mới trong chuyến hành trình chu du khắp nơi cùng quan bác sĩ. Vùng đất này được miêu tả là “một cù lao mới chưa ai biết đến”, “đằng xa, tựa như có rừng cây. Đến nơi, quả là một rừng thông, cành lá lơ thơ, như cảnh sắc các thứ cây về mùa đông dưới giải ẩm” (Tản Đà, 2002: 99). Khi băng qua băng tuyết, đi hết rừng thông, “lộ ra một chàn hoa, trăm sắc hoa tranh tươi, cái khí tượng mệnh mông như một

cánh đồng mùa của các nhà hầu vương nước chuyên chế... Trong chàn hoa, thấy có nhiều cột sắt như cột dây thép dưới ta mà cao đến gấp hai... Dưới mỗi lưới hoa chia làm mỗi khu, có đường đi... Đi khỏi một chàn hoa thời ruộng nương lúa mạ đủ cả, thôn lạc cũng không xa” (Tản Đà, 2002: 100). Khí hậu nơi đây được miêu tả là “toàn như ở Bắc Kỳ ta trong mấy tháng về mùa xuân” (Tản Đà, 2002: 100). Nếu nước Pháp là nơi gắn với hình ảnh hồng nhan tri kỷ của nhân vật thì Cõi đời mới là biểu tượng cho quan niệm về một xã hội lý tưởng của Tản Đà, nơi mà con người sống hòa bình, vạn vật đều tốt tươi, cơ sở vật chất hiện đại, đủ đầy, con người được sống tự do, hạnh phúc. Thông qua hình ảnh Cõi đời mới, Tản Đà đã thể hiện hết sức rõ ràng sự kỳ vọng của mình vào một xã hội phát triển hơn, tiến hóa hơn xã hội mà ông đang sống mà cụ thể là Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

Bên cạnh đó, tiểu thuyết còn có yếu tố của văn học trinh thám khi nhân vật Nguyễn Khắc Hiếu bị vướng vào một vụ trộm tại tiệm vàng của ông chủ Dravine. Mọi bằng chứng tại hiện trường đều dẫn sự nghi hoặc đến Nguyễn Khắc Hiếu. Nhờ sự giúp đỡ của Chu Kiều Oanh và người bạn thân lâu năm, Woallak, Khắc Hiếu đã trốn sang Mỹ để tránh cảnh tù tội. Sự kiện chạy trốn cũng được miêu tả kín kẽ, nhanh gọn. Vụ án được xây dựng có thắt nút, cao trào và cũng có gỡ nút tại thời điểm Khắc Hiếu gặp lại Woallak tại Praha và biết mình đã

được giải oan bởi có sự nhầm lẫn. Mặc dù vụ án không được xây dựng trọn vẹn thành một tiến trình từ nghi vấn đến giải đáp nghi vấn nhưng nhà văn đã hơi vội vã trong quá trình giải quyết vấn đề. Tác giả đã gỡ nút thắt quá nhanh và đơn giản dẫn đến việc vụ trộm chỉ lướt qua như một cái cớ để Khắc Hiếu có thể sang Mỹ, đến được Sầu Thành và đi đến được Nam Mỹ (cụ thể là Brazil).

Như vậy, *Giấc mộng con I* của Tản Đà có ẩn chứa yếu tố du ký bởi hành trình của Nguyễn Khắc Hiếu được trải dài khắp các châu lục trên thế giới, được kể lại dưới sự chứng kiến của cái tôi trải nghiệm. Tuy nhiên sự phân bố thời gian nhân vật mà nhân vật lưu

lại không đồng đều, thời gian lưu trú của nhân vật tại các địa điểm phục vụ cho mục đích khác ngoài chu du. Câu chuyện án oan đã được xây dựng với sự vắng mặt của hung thủ đã được xây dựng nhưng chưa được khai thác triệt để để tạo nên sự hấp dẫn và sinh động của thể loại trinh thám. Đây là những hạn chế rất lớn của Tản Đà khiến tác phẩm chưa thể hoàn toàn là tiểu thuyết trinh thám hay du ký.

2.2. Hệ thống nhân vật trong tiểu thuyết *Giấc mộng con I*

Trong cuộc hành trình dài khoảng tám năm của mình, Nguyễn Khắc Hiếu đã tiếp xúc, gặp gỡ và đã xác lập những mối quan hệ khăng khít với một số

Bảng 3. Bảng tổng hợp nhân vật trong tiểu thuyết *Giấc mộng con I*

STT	Tên nhân vật	Mối quan hệ với nhân vật chính/ vai trò với cốt truyện
1	Nguyễn Khắc Hiếu	Nhân vật trung tâm
2	Lệ Trùng	Bạn thân
3	Thu Thủy	
4	Phạm Duy Tâm	Người giúp Nguyễn Khắc Hiếu quen với quan tây Vinailles
5	Vinailles	Người đưa Nguyễn Khắc Hiếu sang Pháp
6	Dravine	Chủ tiệm vàng bạc Drayon (nơi Nguyễn Khắc Hiếu làm thuê ở Pháp)
7	Chu Văn Lập	Chủ tiệm vàng bạc ở Pháp, thân phụ của Chu Kiều Oanh
8	Chu Kiều Oanh	Tri kỷ của Nguyễn Khắc Hiếu tại Pháp
9	Woallak	Bạn thơ ấu nhỏ của Kiều Oanh, người giúp Nguyễn Khắc Hiếu trốn sang Mỹ khi anh bị nghi oan
10	Ông chủ mục súc người Bồ Đào Nha	Nhận Nguyễn Khắc Hiếu làm thuê trong lúc bị anh đang trốn
11	Quan bác sĩ	Người đưa Nguyễn Khắc Hiếu chu du nhiều nơi
12	Thống trưởng Cối đời mới	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ “*Giấc mộng con I*”, in trong Nguyễn Khắc Xương (biên soạn). 2002. *Tản Đà toàn tập* (tập 2). Nxb. Văn học.

nhân vật. Để giúp cho việc hình dung được dễ dàng, tác giả đưa ra bảng thống kê các nhân vật đã xuất hiện trong chuyến chu du khắp thế giới này, cả những nhân vật có mặt trước khi cuộc hành trình diễn ra bởi những nhân vật đó có vai trò thúc đẩy sự ra đi của nhân vật trung tâm. Sự sắp xếp này theo thứ tự xuất hiện của nhân vật trong tiểu thuyết (Bảng 3).

Theo đó, trong số các nhân vật thì Lê Trùng, Thu Thủy, Phạm Duy Tâm và ông quan Tây Vinailles đóng vai trò thúc đẩy quá trình xê dịch của Nguyễn Khắc Hiếu. Sau cuộc trò chuyện về giang sơn, đất trời về việc con người nên “nuôi cái tài sức, theo cái ý thú” (Tản Đà, 2002: 71) thì nhân vật Khắc Hiếu mới tìm đến Phạm Duy Tâm và nhờ đó quen biết ông Vinailles, người sẽ đưa anh ta sang Pháp. Nhân vật Phạm Duy Tâm tuy không phải nhân vật chính, không tham gia nhiều vào diễn trình truyện nhưng lại là một yếu nhân bởi nếu không có nhân vật này thì cuộc hành trình của Nguyễn Khắc Hiếu sẽ không thể thực hiện được. Nhân vật Phạm Duy Tâm là cầu nối để Khắc Hiếu đến được những chân trời mới tuy nhiên tác giả không miêu tả cụ thể nhân vật này. Ngoài tên nhân vật, người đọc không biết thêm thông tin gì khác. Đây cũng là một trong những đặc điểm xuyên suốt tiểu thuyết này của Tản Đà. Nhà văn chưa có sự chú trọng với những nhân vật xuất hiện, đóng vai trò quan trọng trong những bước ngoặt của cuộc đời nhân vật chính. Điều này cũng xảy ra với nhân vật Vinailles, người đưa

Khắc Hiếu sang Pháp và Woallak, nhân vật giúp Khắc Hiếu trốn thoát duy chỉ có nhân vật ông quan bác sĩ, nhân vật đưa Khắc Hiếu đi chu du khắp nơi đã được chú tâm miêu tả hơn. Đó là một người đàn ông “đã ngoài 50, cáo hưu về nhà để làm sách” (Tản Đà, 2002: 94), có mối quan hệ quen biết với ông Dravine. Độc giả cũng hiểu được sự quan tâm của ông quan bác sĩ với người An Nam qua các dòng đối thoại với nhân vật chính. Trong hành trình phiêu lưu của Nguyễn Khắc Hiếu đã xảy ra một sự biến đó là vụ trộm tại tiệm vàng của ông Dravine mà anh là kẻ bị tình nghi số một. Tên trộm vắng mặt từ đầu vụ án và cho đến cuối cùng vẫn không xuất hiện, không được chỉ rõ. Nhân vật duy nhất có vai trò quan trọng trong một tác phẩm trinh thám là thủ phạm, cuối cùng không được làm rõ. Đồng thời, để làm nên một tiểu thuyết trinh thám, câu chuyện này còn thiếu hệ thống các nhân vật điều tra như cảnh sát, thám tử. Truyện chỉ đảm bảo có sự kiện vụ án xảy ra, kẻ bị tình nghi và cuối cùng vụ án được phá. Nói cách khác, nó chỉ đảm bảo được về mặt tổng thể khái quát chứ chưa đi vào chi tiết, cụ thể.

Nhân vật được Tản Đà chú trọng hơn cả là cô gái 17 tuổi Chu Kiều Oanh, con gái ông Chu Văn Lập, “người Sài Gòn, sang làm ăn buôn bán ở Đại Pháp đã hơn 20 năm” (Tản Đà, 2002: 74). Cô được miêu tả là “dòng giống Lạc Hồng mà sinh trưởng đất Đại Pháp; chữ Tây đã biết nhiều, còn đương học chữ nho cũng thông hiểu

diễn tích” (Tản Đà, 2002: 74), được cha mẹ yêu chiều hết mực. Thông qua các đối thoại, thư từ qua lại giữa Kiều Oanh và Khắc Hiếu cho thấy có sự đồng cảm, thấu hiểu không chỉ trong quan điểm sống, thế giới quan mà còn cả trong công việc văn chương. Có phải chăng nhân vật Chu Kiều Oanh không chỉ là hồng nhan tri kỷ của Nguyễn Khắc Hiếu mà kỳ thực cũng chính là bóng hình người con gái lý tưởng trong tâm khảm của nhà văn đa tình Tản Đà? Trên còn đường tình duyên, Tản Đà từng gặp một cú sốc lớn khi chứng kiến cảnh người con gái mình yêu đi lấy chồng. Sau sự biến ấy, Tản Đà từng mất một thời gian để tìm lại sự cân bằng. Người vợ sau này của ông là do gia đình mai mối để giúp ông ổn định cuộc sống chứ không phải là bóng hồng ông thương nhớ. Có lẽ bởi vậy mà trong lòng Tản Đà luôn chịu một ẩn ức. Hình ảnh Chu Kiều Oanh, một người con gái hoàn hảo từ nhân thân đến trí tuệ và tinh thần cũng chính là một niềm khao khát thầm kín mà Tản Đà đã ký thác vào đó. “Tản Đà vẫn sống tâm trạng của “khách phong lưu”, “bậc tài danh” của thời đại trước” (Phan Cự Đệ, 2013: 183). Với ông “người đàn bà lý tưởng... không phải chỉ là mỹ nhân mà còn là giai nhân” và ông “phân biệt yêu và lấy vợ” hết sức rõ ràng (Phan Cự Đệ, 2013: 183). Có lẽ chính vì lẽ đó mà bóng hình ấy đã đồ dài trên các trang văn của *Giấc mộng con*. Sau này trong *Giấc mộng con II* (1932), nhân vật ấy lại một lần nữa xuất hiện cũng với vai trò là tri kỷ của Nguyễn Khắc Hiếu.

Các nhân vật khác trong tiểu thuyết hầu hết chỉ được kể tên hoặc miêu tả về nghề nghiệp mà không có sự hình dung cụ thể nào. Tính cách, phẩm chất của các nhân vật trong *Giấc mộng con* được xác định thông qua các hành động, cách ứng xử của họ với nhân vật trung tâm và qua các đối thoại, trao đổi tư tưởng, quan điểm với nhân vật chính. Điều đặc biệt là trong tiểu thuyết này không có nhân vật phản diện. Nhân vật tên ăn trộm thực sự của tiệm vàng Drayon lại không được chỉ đích danh, không được miêu tả. Các nhân vật lần lượt xuất hiện trong tiểu thuyết để phục vụ cho việc thúc đẩy hành trình phiêu lưu của Nguyễn Khắc Hiếu cũng như để anh ta bộc lộ chí nguyện, tâm tình và lý tưởng của chính mình. Chính trong lúc này, tiểu thuyết *Giấc mộng con I* với sự mạnh mẽ của một tiểu thuyết phiêu lưu, thậm chí là trinh thám đã biến mất nhường chỗ cho một tiểu thuyết luận đề, triết luận.

3. GIẤC MỘNG CON NHƯ LÀ MỘT TIỂU THUYẾT LUẬN ĐỀ

Về mặt kết cấu tổng thể, như chúng ta đã phân tích ngay từ đầu, *Giấc mộng con* có tổ chất của một tiểu thuyết phiêu lưu với biên độ không gian dịch chuyển hết sức rộng lớn, thời gian chu du của nhân vật khá dài (khoảng 8 năm). Đồng thời tiểu thuyết cũng mạnh mẽ màu sắc trinh thám khi xuất hiện một vụ án không dễ đoán kết quả. Tuy nhiên các tổ chức nhân vật của Tản Đà đã dần đưa tiểu thuyết rời xa khung kết cấu của chính nó và dẫn nó

sang một tổ chức kết cấu khác đó là trở thành tiểu thuyết luận đề.

Mặc dù tiểu thuyết được tổ chức như thể là một tác phẩm phiêu lưu nhưng sự xuất hiện, hành động của các nhân vật xoay quanh nhân vật trung tâm đã không thể hiện điều đó. Sự hình dung của tác giả về các nhân vật, về hành động, lời nói của các nhân vật đều phục vụ cho một quan điểm về con người, về tài năng, về xã hội. Việc bộc lộ những quan điểm, lý tưởng thông qua cuộc hành trình, đối với tác giả, nhiều khi còn quan trọng hơn cả bản thân hành trình phiêu lưu của nhân vật. Nhân vật trung tâm Nguyễn Khắc Hiếu lúc này giống như bức chân dung tự họa chính con người Tản Đà. Vậy là mặc dù cuộc chu du khắp năm châu của nhân vật là tưởng tượng, là một ảo mộng nhưng lại là ảo mộng dựa trên thế giới tinh thần khao khát tự do, khao khát được thoát ly của Tản Đà. Đây là một tâm lý hoàn toàn dễ hiểu trong hoàn cảnh thời đại và hoàn cảnh của bản thân Tản Đà lúc đó. Cuộc đời của Nguyễn Khắc Hiếu - Tản Đà có hai biến cố lớn làm ảnh hưởng đến tinh thần của ông mà sau này trực tiếp ảnh hưởng đến tư tưởng trong thơ văn ông. Đó là việc ông yêu cô gái họ Đỗ ở phố Hàng Bồ, con của nhà tư sản Đỗ Thận song nhà gái đòi ông phải có công danh sự nghiệp thì mới cho cưới. Tản Đà thi cả hai kỳ thi hương năm 1909 và 1912 đều trượt. Hồng thi, Tản Đà quay về Hà Nội thì người con gái ông yêu đã lên xe hoa về nhà chồng. Hai thất bại lớn này của

cuộc đời đã đi vào trong các sáng tác của ông. Nó giải thích cho sự xuất hiện của những mối tình dang dở, việc trốn vào cõi tiên, cõi mộng cũng như thái độ ngông nghênh trong tác phẩm của Tản Đà. Đồng thời, lúc này đất nước rơi vào ách đô hộ. Tản Đà là một trí thức yêu nước đồng thời cũng là một nhà nho đa tài, thị tình. Ông khao khát được đi đến những chân trời mới không chỉ để khám phá mà còn để thi triển tài năng. Tâm lý thoát ly khỏi một xã hội đang bị kìm kẹp, đô hộ để đi tìm tự do, tìm nguồn cảm hứng và tìm nơi để tài năng được thể hiện này đã theo suốt cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông.

Giác mộng con trở thành một tiểu thuyết luận đề cũng là minh chứng cho những gì còn sót lại của tư tưởng nho gia trong thế giới quan Tản Đà. Văn học nho gia đề cao “chí”, “đạo” (thi dĩ ngôn chí, văn dĩ tải đạo). Nhà nho sáng tác thơ văn không phải để sáng tạo nghệ thuật mà mục đích đầu tiên là để nêu lên quan điểm, để thể hiện ý chí, cốt cách, nhân phẩm của mình. Nhà nho làm thơ, làm văn không phải là thú chơi đơn thuần mà phải có chức năng cảm hóa, giáo dục hoặc cảnh tỉnh nhất định. Sáng tác của họ không phải những tiểu tự sự như văn học hiện đại mà thiên về những luận điểm mang tính đại tự sự. *Giác mộng con* đã bị “kẹt” ở thế đứng giữa hai hệ tư duy, văn học trung đại và văn học hiện đại nên mới có sự đứng giữa ngã ba đường thể loại như vậy.

4. THAY LỜI KẾT

Tản Đà là người chủ trương “bán văn” (trong *Hầu trời*) nghĩa là ông đã nhận ra sự cần thiết của việc thay đổi trong sáng tác văn học. Văn chương cần phải hiện đại, cấp tiến và phù hợp hơn với độc giả của một xã hội đã xuất hiện hình thái sản xuất đô thị kiểu phương Tây. Tuy nhiên quá trình thực hiện mộng ước thay đổi đó lại bất thành. Tản Đà sáng tác văn học theo một “tiềm thức” sáng tạo rất nho gia đó là tự họa con người tinh thần, lý trí của chính mình. Tác phẩm của ông phần lớn để nói lên chí nguyện, mong ước của chính tác giả. Trong tiểu thuyết này, giấc mộng lập đại nghiệp, sở thích được “xê dịch”, ước nguyện về một hồng nhan tri kỷ và giấc mơ về một xã hội lý tưởng đã được thể hiện rất rõ. Tản Đà loay hoay ở vạch ranh giới giữa văn học trung đại và văn học hiện đại để cuối cùng ông mắc vào bi kịch “lại giống” (Phan Cự Đệ và nhiều tác giả, 2013: 197). Ông “vừa bước vào thực tế, các ảo tưởng cứ vỡ dần” (Phan Cự Đệ và nhiều tác giả, 2013:

197), các giấc mộng của ông cứ thế tan vỡ. Tản Đà muốn thay đổi văn chương, muốn lập nên một sự nghiệp mới hiển hách nhưng con người văn học gốc nhà nho đã kim giữ ngòi bút của chính ông để cuối cùng tác phẩm của ông quay trở lại với đặc điểm của văn học nho gia quen thuộc. Cả cuộc đời cầm bút của mình “Tản đà vẫn là một nhà nho, một nhà nho ít thanh thần” (Phan Cự Đệ, 2013: 202-203). *Giấc mộng con* / chính là một trong số những tác phẩm nằm trong vòng tròn đó.

Mặc dù sự cách tân không thành công song không thể phủ nhận công sức của Tản Đà. Những cố gắng của ông được thừa nhận và đã khơi mạch cảm hứng cho các nhà văn hậu thế. Tản Đà thực sự xứng đáng là người của hai thời đại văn học, là người mở cánh cửa giao thời như Hoài Thanh (1999: 255) trong *Thi nhân Việt Nam* đã khẳng định: “... Tiên sinh đã đạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kỳ đương sắp sửa...”. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoàn Khung, Lê Chí Dũng, Hà Văn Đức. 2013. *Văn học Việt Nam 1900 - 1945*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Hoài Thanh. 1999. *Hoài Thanh toàn tập*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Văn học.
3. Nguyễn Khắc Xương (biên soạn). 2002. *Tản Đà toàn tập*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Văn học.